

NHỮNG THÁCH THỨC TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

TS TRẦN NGỌC SƠN

Học viện Chính trị khu vực III

Trong quá trình phát triển của lịch sử, bản thân nguồn lực tự nhiên và các nguồn lực khác không thể tự tạo ra các quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chỉ thông qua hoạt động thực tiễn của con người, bằng sức mạnh của nguồn lực con người kết hợp với các nguồn lực khác mới có thể tạo nên tăng trưởng và tăng trưởng bền vững. Vì thế, để khai thác các nguồn tài nguyên, các nguồn lực khác một cách hiệu quả, tạo nên chất lượng của sự tăng trưởng thì nhân tố con người là yếu tố quan trọng nhất của quá trình đó. Do đó, việc đầu tư cho sự phát triển con người không chỉ vì mục tiêu nhân văn còn là sự đầu tư cho sự phát triển bền vững. Đó là những kết luận khá thống nhất trong kinh nghiệm của các nước phát triển và cũng là bài học cần ghi nhớ của các nước đi sau như Việt Nam.

Quan điểm con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đã được khẳng định trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000, được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam thông qua năm 1991 và tiếp tục được bổ sung và phát triển qua các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI, XII, XIII càng khẳng định điều đó. Đó cũng là quan điểm cơ bản để đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc, phát triển chủ nghĩa xã hội Việt Nam trong thế kỷ XXI. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã xác định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà ta nhân dân ta xây

dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện...”.¹ Như vậy, cùng với nhiều nội dung khác, quan điểm phát triển con người toàn diện là một trong những quan điểm cơ bản để bảo đảm tính nhân văn và tính hiện thực trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Những kết quả nghiên cứu về con người một cách toàn diện cho thấy, trong mỗi một con người cụ thể thì yếu tố sinh học và yếu tố xã hội hòa quyện thống nhất với nhau cùng góp phần tạo ra bản chất con người và nét đặc thù của mỗi cá nhân riêng biệt. Bài học có tính phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc xây dựng và phát triển con người là không tuyệt đối hóa yếu tố sinh vật hay yếu tố xã hội, không tách rời yếu tố sinh học khỏi yếu tố xã hội; sự phát triển của xã hội, tiến bộ xã hội sẽ được biểu hiện bằng các chỉ số quan tâm đến việc thỏa mãn các nhu cầu sinh học cần thiết của con người tương ứng với trình độ phát triển xã hội và ngược lại, việc thỏa mãn các nhu cầu sinh học của con người cần được đặt trong hoàn cảnh xã hội cụ thể, trong các quan hệ xã hội cụ thể, trong các điều kiện chính trị, luật pháp, văn hóa, kinh tế cụ thể. Những quan niệm có tính phiến diện khi tuyệt đối hóa mặt tự nhiên, hoặc tuyệt đối hóa khía cạnh xã hội nào đó của con người đã bộc lộ những hạn chế. Vì vậy, phát triển con người Việt

Nam toàn diện hiện nay cần phải được quan tâm cả về thể chất lẫn tinh thần, bởi lẽ: “Lịch sử của con người là lịch sử không ngừng văn minh hóa những hành vi có tính động vật”². Ngược lại, việc phát triển con người trong xã hội cụ thể cũng không thoát ly khỏi những tiền đề, quy luật sinh học vốn có của con người. Xa rời nguyên tắc cơ bản ấy là sự thoát ly hiện thực, là chủ quan, duy ý chí. Do đó, coi trọng việc phát triển những phẩm chất, nhân cách, giá trị xã hội ở con người là nội dung quan trọng không thể xem nhẹ. Việc nhấn mạnh những phẩm chất, nhân cách, giá trị xã hội của con người theo chiều hướng nào, điều đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Nó không chỉ mang dấu ấn nhận thức chung của thời đại, của điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội thời đại hiện đang sống, truyền thống, bản sắc văn hóa của từng dân tộc và cả sự chọn lựa định hướng giáo dục, xây dựng của các nhà tư tưởng, các nhà lãnh đạo, quản lý xã hội. Nói cách khác, những phẩm chất, nhân cách, giá trị cần phát triển con người ở một giai đoạn nào đó là kết quả tổng hợp của sự lựa chọn dựa trên những tiền đề được xác định, được quy định không chỉ bởi những điều kiện khách quan, mà cả những yếu tố có tính chủ quan. Như C. Mác đã đề cập khi nói đến con người: “con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới. Con người chính là thế giới con người, là nhà nước, là xã hội”³.

Phát triển con người là trọng tâm trong chiến lược phát triển của Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua và Việt Nam đạt được những kết quả tích cực trong lĩnh vực này. Một trong những thành tựu nổi bật, mang tính tổng quát trong việc xây dựng và phát triển con người của nước ta được thể hiện qua chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều và ổn định, cả về giá trị tuyệt đối cũng như thứ hạng - chỉ số HDI là một trong những chỉ số phản ánh sự tiến bộ của xã hội, phát triển kinh tế và phát triển con người⁴. Phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa với mục tiêu vì con người đã mang lại những thay đổi vượt bậc, chỉ số HDI của Việt Nam ngày càng tiến bộ. Trong những năm đổi mới vừa qua, chỉ số phát triển con người Việt Nam liên tục có những bước cải thiện đáng kể. Ngày 13-3-2024, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) công bố Báo cáo Phát triển con người (HDR) 2023/24. Nhân dịp này, Báo Điện tử Chính phủ đã phỏng vấn Trưởng Đại diện thường trú

của UNDP tại Việt Nam, bà Ramla Khalidi về những tiến bộ của Việt Nam trong phát triển con người và ý nghĩa của báo cáo đối với Việt Nam. Theo bà Ramla Khalidi: “Việt Nam vẫn là quốc gia có mức phát triển con người cao trong suốt những năm khó khăn của đại dịch Covid-19. Phát triển con người tiếp tục là trọng tâm trong chiến lược phát triển của đất nước và chúng tôi đã đã thấy những kết quả đáng kể trong những thập kỷ qua”; chỉ số HDI của Việt Nam liên tục được cải thiện qua các năm. Chỉ số này đã tăng gần 50%, từ 0,493 lên 0,726 trong khoảng thời gian từ năm 1990 - 2022 (vào những năm 1990, khi UNDP bắt đầu xếp hạng HDI, Việt Nam ở vị trí tương đối thấp trong bảng xếp hạng. Giá trị HDI của Việt Nam năm 2022 là 0,726, đứng thứ 107 trên 193 quốc gia và vùng lãnh thổ). Trong 3 năm gần đây, Việt Nam được xếp vào nhóm các quốc gia có mức phát triển con người cao. Trong bảng xếp hạng HDI mới nhất, Việt Nam đã tăng 8 bậc từ vị trí 115 lên vị trí 107, tiếp tục nằm trong số các quốc gia đang phát triển có chỉ số HDI cao⁵. Đó là kết quả của những chính sách đúng đắn, hiệu quả và nỗ lực vượt bậc của Đảng, Nhà nước trong việc thúc đẩy phục hồi kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội sau đại dịch Covid-19 và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của người dân Việt Nam. Chỉ số HDI, được coi là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá sự phát triển toàn diện của các quốc gia, được giới nghiên cứu cũng như các nhà hoạch định chính sách sử dụng rộng rãi.

Như vậy, phát triển con người toàn diện cả về mặt sinh học và phương diện xã hội là xây dựng chiến lược phát triển con người Việt Nam theo hướng không ngừng nâng cao thể trạng con người Việt Nam theo các chỉ số có tính quốc tế, đồng thời bồi dưỡng, hoàn thiện các giá trị xã hội theo hướng: có năng lực trí tuệ ngang tầm thời đại; có đạo đức cách mạng trong sáng; có ý thức công dân, tuân thủ pháp luật; có bản lĩnh văn hóa để có thể tiếp biến một cách chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại mà không đánh mất bản sắc của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Phát triển con người toàn diện cho cá nhân trong cộng đồng dân tộc Việt Nam là một trong những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Đó cũng là đặc trưng cơ bản của xã hội mới trong những phác thảo mang tính dự báo của C. Mác, Ph. Ăngghen về chủ nghĩa cộng sản

mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Theo đó, bên cạnh xu hướng phát triển cao về kinh tế thì chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội giải phóng và tạo điều kiện để con người có thể phát triển một cách tự do hơn, toàn diện hơn và nhân văn hơn.

Tuy nhiên, thực hiện mục tiêu đó trong điều kiện Việt Nam hiện nay là một quá trình lâu dài, đầy thách thức và nếu chỉ dừng ở khát vọng, ý chí chủ quan là hoàn toàn không đủ, đòi hỏi có sự chuẩn bị những tiền đề, điều kiện vật chất khách quan cần thiết khác. Quá trình hội nhập, giao lưu quốc tế một mặt mang lại điều kiện, cơ hội thuận lợi cho sự phát triển, nhưng cũng khiến con người Việt Nam phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức. Đó là:

Xét dưới góc độ sinh học của con người: Phát triển con người sinh học là cơ sở để phát triển con người xã hội. Tuy nhiên hiện nay, việc phát triển con người tự nhiên (sinh học) đang đối diện với một số thách thức lớn:

- *Thứ nhất là về mặt thể chất:* những năm qua, mặc dù thể lực của người Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Trước năm 1945, người Việt Nam cao hơn người Nhật 2cm. Hiện nay, người Nhật cao hơn người Việt Nam 10cm. Theo các nhà nghiên cứu, so sánh chiều cao thanh niên Việt Nam với thanh niên Thái Lan, nam thanh niên Việt Nam thấp hơn 4cm, nữ thanh niên Việt Nam thấp hơn 2cm. So với chuẩn quốc tế, nam thanh niên Việt Nam thấp hơn 13,1 cm, nữ thanh niên Việt Nam thấp hơn 10,7cm. Tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em Việt Nam dưới 5 tuổi còn cao. Mỗi năm ở Việt Nam có 7.000 trẻ em bị tử vong liên quan đến suy dinh dưỡng⁶. Sau hơn 3 thập kỷ đổi mới đất nước, phát triển con người Việt Nam đã có kết quả ấn tượng, song không đồng đều qua từng giai đoạn. Trong những năm đầu đổi mới, chỉ số HDI bị suy giảm, tạo sự chênh lệch về phát triển con người giữa Việt Nam và các nước có mức phát triển tương đồng. Chỉ số phát triển con người đã tăng nhanh hơn kể từ cuối những năm 90 của thế kỷ trước (XX), Việt Nam là nước có kết quả tốt nhất tiến bộ về phát triển con người giai đoạn 1990 - 2000, song vị trí này bị lùi dần trong các giai đoạn sau đó theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, chỉ số HDI của Việt Nam năm 2004 đứng thứ 112/177 nước; Năm 2006 thứ 109/177 nước; Năm

2008 thứ 105/177 nước. Năm 2010, Việt Nam đứng thứ 129/187; năm 2011: 128/187; năm 2012: 127/186; năm 2013: 121/187... Dù chỉ số phát triển con người Việt Nam liên tục được cải thiện, song tốc độ còn hạn chế. Sự hạn chế trong sự phát triển thể chất con người cũng là một trong những nguyên nhân làm cho năng lực cạnh tranh và năng suất lao động của người Việt Nam còn hạn chế. Nếu lấy thang điểm 10 thì chất lượng nhân lực của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia xếp hạng của Ngân hàng Thế giới⁷. Năng suất lao động trung bình của Việt Nam chỉ bằng một nửa các nước ASEAN, thấp hơn Indonesia 10 lần, Thái Lan 30 lần, Nhật Bản 135 lần, khiến chỉ số cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế liên tục giảm trong những năm vừa qua⁸. Đây là một thách thức lớn khi chúng ta hội nhập ngày càng sâu rộng.

- *Thứ hai là dân số:* tỷ lệ tăng dân số của Việt Nam có xu hướng giảm dần, dù hiện nay Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn “dân số vàng” nhưng tốc độ già hóa nhanh. Mức sinh thấp, chênh lệch giới tính, chênh lệch tỷ lệ sinh giữa các vùng miền và già hóa dân số đang nổi lên là những thách thức lớn đối với bức tranh dân số Việt Nam. Khi tỷ lệ sinh giảm, số lượng người trẻ trong độ tuổi lao động cũng giảm theo, trong khi số người cao tuổi lại tăng nhanh khiến giai đoạn “dân số vàng” kết thúc sớm, do đó, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế trở nên khó khăn hơn. Đây chính là bài toán phức tạp mà Việt Nam cần nhanh chóng tìm ra lời giải để đảm bảo một tương lai bền vững và thịnh vượng cho các thế hệ mai sau. Thời gian qua, tốc độ gia tăng dân số ở nước ta đã được khống chế thành công, đạt mức sinh thay thế từ năm 2006 và tiếp tục duy trì đến nay. Tuy nhiên, mức sinh có xu hướng giảm nhẹ trong những năm gần đây dưới mức sinh thay thế. Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, tổng tỷ suất sinh năm 2023 chỉ đạt 1,96 con/phụ nữ, thấp hơn mức sinh thay thế 2,1 con và dự báo xu hướng này sẽ tiếp tục giảm trong những năm tới. Đây là mức sinh thấp nhất từ trước đến nay tại nước ta, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia đối mặt với già hóa dân số nhanh chóng. Không chỉ vậy, tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh có thể đưa Việt Nam vào tình trạng “thừa nam thiếu nữ” trong thời gian tới. Theo Cục Dân số (Bộ Y tế), Việt Nam có thể dư thừa 1,5 triệu nam

giới vào năm 2034 và 2,5 triệu nam giới vào năm 2059 nếu mức mất cân bằng giới tính vẫn tiếp diễn. Hiện tượng mất cân bằng giới tính khi sinh xuất hiện từ năm 2006 với tỷ số giới tính khi sinh là 109,8 bé trai/100 bé gái và tiếp tục gia tăng. Đến nay, tỷ lệ này vẫn duy trì trên mức 112, cao hơn mức sinh học tự nhiên (103 - 106 bé trai/100 bé gái). Đặc biệt, tại các tỉnh đồng bằng sông Hồng như Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, tỷ lệ này còn lên tới 120 bé trai/100 bé gái. Dân số Việt Nam hết năm 2023 đạt khoảng 100,3 triệu người, tăng gần 835.000 người so với năm 2022, tương đương tăng 0,85%, thấp hơn mức 0,98% của năm 2022. Theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ tăng dân số của Việt Nam có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây và dự báo tiếp tục giảm trong những năm tiếp theo. Dự báo của Tổng cục Thống kê, dân số nước ta sẽ tăng lên 107 triệu người vào năm 2044, sau đó giảm xuống 72 triệu người vào năm 2100. Việt Nam đang ở giai đoạn chuyển từ mức sinh cao sang mức sinh thấp, từ mô hình sinh sớm sang mô hình sinh muộn, từ cơ cấu dân số trẻ sang giai đoạn già hóa dân số. Ông Mai Trung Sơn, Phó Vụ trưởng Quy mô dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Cục Dân số, ngày 26-12-2024 cho biết, tỷ lệ tăng dân số Việt Nam giảm mạnh từ mức rất cao 3,9% (1960) xuống còn 1,14% (2019) và 0,95% (2021). Tổng cục Thống kê cũng dự báo, ở phương án mức sinh trung bình, đến năm 2069, tỷ lệ tăng dân số bình quân Việt Nam sẽ về 0. Trong khi nếu ở phương án mức sinh thấp, chỉ 35 năm nữa, Việt Nam sẽ đối mặt với thực tế tỷ lệ tăng dân số ở mức âm. Theo dự báo của Cục Dân số (Bộ Y tế), trong trường hợp mức sinh giảm mạnh, sau năm 2054, nghĩa là 30 năm nữa, dân số Việt Nam sẽ bắt đầu tăng trưởng âm và mức giảm dân số ngày càng lớn. Liên Hợp Quốc dự báo năm 2500 dân số Việt Nam chỉ còn 3,6 triệu người, bằng tỉnh Nghệ An bây giờ, nếu mức sinh tiếp tục giảm.

Xét dưới góc độ về mặt xã hội của con người: Trước những biến đổi to lớn về kinh tế - xã hội giai đoạn hiện nay, nhiều giá trị nhân cách con người suy giảm và có xu hướng biến đổi phức tạp, biểu hiện trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, như lý tưởng, niềm tin, nhận thức, đạo đức, lối sống... Đặc biệt, trong giới trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước có nhiều dấu hiệu đáng lo ngại. Khảo sát về xu hướng biến đổi lối sống của thanh niên Việt Nam hiện nay cho thấy: 49,5%

thanh niên nước ta hiện nay sống thực dụng, thực tế hơn, lựa chọn việc làm dựa trên thu nhập là ưu tiên số 1, chỉ 7,4% xác định đóng góp cho đất nước là ưu tiên số 1; 21% thanh niên cảm thấy thất vọng, bi quan về tương lai⁹. Tình trạng tội phạm trong lứa tuổi thanh niên diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng đã đẩy lên hồi chuông cảnh báo về sự “tha hóa nhân cách” con người. Đây là những hiện tượng nhức nhối trong xã hội, có nhiều nguyên nhân: sự buông lỏng quản lý, giáo dục của gia đình, xã hội; sự thực thi pháp luật thiếu nghiêm minh; sự trỗi dậy của chủ nghĩa cá nhân; tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ; Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa làm tốt chức năng định hướng dư luận và xây dựng con người. Trong thời kỳ bùng nổ công nghệ thông tin, sự phát triển nhanh như vũ bão của internet, mạng xã hội; báo điện tử; kênh truyền hình giải trí đã mang lại những thông tin bổ ích, tạo điều kiện cho con người tiếp cận thông tin thuận tiện dễ dàng; khả năng chia sẻ, kết nối cao, nhưng bên cạnh đó cũng để lại nhiều hệ lụy như nạn nghiện game online; sự gia tăng ngôn ngữ tiếng lóng, ngôn từ kỳ hiệu làm méo mó và mất đi sự trong sáng của tiếng Việt; nhiều bạn trẻ lệ thuộc vào không gian ảo đã đánh mất đi những giá trị thực... khiến mỗi cá nhân là một không gian khép kín thiếu sự gắn kết, chia sẻ giữa các thành viên, thiếu sự quan tâm đến các vấn đề xã hội và làm giảm trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, dẫn đến tham ô, tham nhũng, lãng phí với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong xã hội và là thách thức lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Từ thực trạng trên, để phát huy những điểm mạnh, những nhân tố tích cực, đồng thời hạn chế, khắc phục những yếu kém của con người Việt Nam, để tiếp tục xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, cần đẩy mạnh hơn nữa những giải pháp theo phương hướng:

Thứ nhất, ngăn chặn tình trạng suy giảm dân số đồng thời nâng cao sức khỏe, tuổi thọ cho con

người, gắn với việc giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng phát triển con người là điều kiện tiên quyết để xây dựng thành công CNXH ở Việt Nam. Bởi “muôn xây dựng CNXH thì trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa” như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn. Vì thế, việc xây dựng và phát triển con người Việt Nam cả về số lượng và chất lượng; hình thành nên những con người Việt Nam có phẩm chất, năng lực, “vừa hồng vừa chuyên” là nhiệm vụ trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành.

Thứ hai, về xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống. Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Mặt khác, cần đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng và phát huy lối sống “mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Mặt khác, cần khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Thứ ba, chú trọng vấn đề an ninh con người, với những nhiệm vụ cụ thể như đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam. Đồng thời, phải quan tâm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh,

phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Xây dựng con người Việt Nam, chủ nhân của xã hội mới, chủ thể thụ hưởng thành quả cách mạng do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng là một quá trình lâu dài, là trách nhiệm của toàn xã hội, toàn dân, trong đó có hệ thống chính trị, các nhà lãnh đạo, quản lý xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 70.
2. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb CTQG - ST, H, 2005, tr. 128.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 1995, tr. 569.
4. Chỉ số HDI hay chỉ số phát triển con người là một trong những chỉ số phản ánh mức sống dân cư. Chỉ số phát triển con người (HDI) là một trong những chỉ tiêu tổng hợp, đo lường sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, vùng lãnh thổ hay một địa phương do Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) khởi xướng từ năm 1990 và đang được nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế tính toán, công bố thường xuyên. HDI là một chỉ số tổng hợp đánh giá tiến bộ về lâu dài ở 3 khía cạnh cơ bản của phát triển con người: Sống lâu và sống khỏe mạnh, được đo bằng tuổi thọ kỳ vọng trung bình; Kiến thức, được đo bằng số năm đi học kỳ vọng và số năm đi học trung bình; Mức sống bền vững, được đo bằng phép biến đổi lô-ga-rít của tổng thu nhập quốc gia (GNI) bình quân đầu người theo đồng USD
5. UNDP đã phân chia HDI thành 4 nhóm: (i) Nhóm 1 là nhóm đạt rất cao với $HDI \geq 0,800$; Nhóm 2 đạt cao với $0,700 \leq HDI < 0,800$; Nhóm 3 đạt mức trung bình với $0,550 \leq HDI < 0,700$; Nhóm 4 đạt thấp với $HDI < 0,550$. Theo tiêu chuẩn này, HDI của cả nước đã từ nhóm trung bình những năm 2016 – 2018 lên nhóm cao trong năm 2019 - 2020. Thứ hạng HDI của Việt Nam tăng từ vị trí 118 năm 2016; 119 năm 2017 và 118 năm 2018 lên vị trí 117 năm 2019 trong tổng số 180 quốc gia, vùng lãnh thổ thế giới.
6. Theo báo cáo tổng hợp nghiên cứu đề tài cấp Bộ năm 2008: *Xây dựng và phát triển con người Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển tri thức*, tr. 81.
7. Sơn Lâm: *Nguồn nhân lực Việt Nam phát triển mất cân đối*, [www://laodong.com.vn](http://laodong.com.vn).
8. Hồ Đức Tùng: *Năng suất lao động Việt Nam thấp hơn Thái Lan 30 lần*, <http://www.dna.com.vn>.
9. Phạm Hồng Tung: *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 289 - 341.